

Số: 527/2020/QĐST-HNGĐ

Bến Cát, ngày 12 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 859/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm 1995

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1989

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh S

Cùng tạm trú: Nhà trọ X, đường D, tổ 6, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thúy A và ông Nguyễn Việt H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy A và ông Nguyễn Việt H đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Nhã Q, sinh ngày 08/01/2017 cho bà Trần Thị Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Nhã Q, sinh ngày 12/12/2013 cho ông Nguyễn Việt H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông H và bà A không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H và bà A hai bên đều được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được quyền cản trở ông H và bà A thực hiện quyền này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của các con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Thúy A và ông Nguyễn Việt H mỗi bên đồng ý chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà A đồng ý nộp thay ông H số tiền 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0048214 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà A được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Đậu Thị Thảo